

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 38/2021/HSST.

Ngày: 31 - 8 - 2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đức Cường.

Ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Ông Nguyệt Tất Tại – Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2021/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST – HS ngày 09/08/2021 đối với bị cáo:

Lê Xuân S – Sinh năm: 1995; Nơi sinh: huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Lê Xuân Đ, sinh năm 1964 và con bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974, trú tại: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: 02 tiền án. Theo bản án số: 74 ngày 19/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xử phạt 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản; ngày 14/6/2019, chấp hành xong hình phạt. Theo bản án số: 23 ngày 20/01/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 01/11/2020, chấp hành xong hình phạt; hiện 02 tiền án trên chưa được xóa án tích.

Tiền sự: 01 tiền sự về hành vi Trộm cắp tài sản. Ngày 20/01/2018, bị Công an xã X, huyện Ea Kar ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 08 phạt số tiền 1.500.000đ, về hành vi “Trộm cắp tài sản”; hiện chưa nộp tiền phạt.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Ea Kar từ ngày 30/3/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

- Bà Lã Thị L, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 09/02/2021, S mang theo 01 con dao bằng sắt dài khoảng 50cm, đi bộ từ thị trấn E vào xã X tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, S đi đến thôn 5, xã X thì nhìn thấy nhà bà Lã Thị L (sinh năm 1984) đang đóng cửa, không có người trông coi; S đi ra phía sau nhà thì thấy có 01 cửa nhôm nên sử dụng dao cạy phá cửa rồi đi vào trong nhà của bà L. S đi vào phòng ngủ thấy trên giường có 01 túi xách màu đen, S mở túi xách trộm cắp được số tiền 560.000đ. Tiếp đó, S thấy tủ quần áo trong phòng ngủ không khóa nên đi đến lục tìm tài sản thì thấy 01 ví cầm tay bên trong có 3.500.000đ; 01 đôi bông tai màu vàng; 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng; 01 móng bọc kim loại màu vàng; S lấy các tài sản trên bỏ vào túi quần bên phải, phía trước đang mặc trên người rồi thoát ra ngoài. Sau đó, S đi ra Tỉnh lộ 3 và xin đi nhờ xe công nông của người dân đi đường để đi cất giấu tài sản; trên đường đi S đã vứt con dao ở bên đường. Khi xe công nông đi đến km49 Quốc lộ 26, S xuống xe và lấy 01 đôi bông tai màu vàng; 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng; 01 móng bọc kim loại màu vàng bỏ vào túi ni lông màu đen đưa đến bờ ruộng lúa của nhà ông Lê Văn Đ ở thôn 1, xã K, huyện K cất giấu; số tiền 4.060.000đ Sơn sử dụng tiêu xài cá nhân hết 3.070.000đ, còn lại 990.000đ cất giấu ở trong người.

Đến ngày 29/3/2021, hành vi trộm cắp tài sản của S đã bị phát hiện; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar đã tiến hành xác minh truy tìm vật chứng theo chỉ dẫn của S nhưng không thu giữ được các tài sản, gồm: 01 đôi bông tai màu vàng; 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng; 01 móng bọc kim loại màu vàng mà S đã trộm cắp được của bà L.

Lời khai của bà Lã Thị L về đặc điểm các tài sản bị mất như sau: 01 đôi bông tai bằng vàng Sài Gòn, có kiểu dáng hình ngôi sao, ở giữa đính nhiều viên đá trắng; 01 lắc tay hình tròn bằng vàng Sài Gòn, đường kính 05cm, bề mặt rộng 0,5cm trên bề mặt có đính các hạt đá; 01 nhẫn cưới hình tròn bằng vàng Sài Gòn, trên mặt nhẫn có đính 01 viên đá trắng; 01 móng hồ bọc vàng Sài Gòn. Bà L không xác định được loại vàng, khối lượng, giá trị và không cung cấp được hóa đơn chứng từ liên quan đến việc mua các tài sản trên.

Ngày 05/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar có Văn bản số: 24 gửi Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ea Kar yêu cầu định giá các tài sản có đặc điểm nêu trên. Tại Công văn số: 01/CV-HĐ992 ngày 06/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 992 Ủy ban nhân dân huyện Ea Kar trả lời: Các tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar cung cấp chưa đủ các thông tin, điều kiện cần thiết của tài sản được đề nghị định giá như khối lượng, chất lượng, vật liệu; đồng thời Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng cần định giá nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ea Kar từ chối việc định giá đối với các tài sản trên.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ trên người của Lê Xuân S số tiền 990.000đ, đây là số tiền S trộm cắp được của bà L.

- Đối với 01 con dao bằng sắt dài khoảng 50cm mà bị cáo S sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Sơn đã vứt trên đường đi nên không thu giữ được.

Bản cáo trạng số 42/KSĐT - HS, ngày 19 tháng 7 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố bị cáo Lê Xuân Sơn về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Xuân S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng.

Phần tranh luận tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Xuân S về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Và đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình; điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Xuân S từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) 06 (Sáu) tháng tù.

Đối với các tài sản có đặc điểm như lời khai của bà L, gồm: 01 đôi bông tai bằng vàng Sài Gòn, có kiểu dáng hình ngôi sao, ở giữa đính nhiều viên đá trắng; 01 lắc tay hình tròn bằng vàng Sài Gòn, đường kính 05cm, bề mặt rộng 0,5cm trên bề mặt có đính các hạt đá; 01 nhẫn cưới hình tròn bằng vàng Sài Gòn, trên mặt nhẫn có đính 01 viên đá trắng; 01 móng hổ bọc vàng Sài Gòn; quá trình điều tra không xác định được loại vàng, khối lượng, giá trị, không thu giữ được vật chứng và Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ea Kar từ chối việc định giá đối với các tài sản trên nên không có căn cứ xử lý đối với Lê Xuân S về hành vi chiếm đoạt các tài sản nêu trên.

Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lã Thị L yêu cầu bị can Lê Xuân S phải bồi thường số tiền 11.570.000đ; bị can Sơn đồng ý với yêu cầu bồi thường về dân sự của bà L. Do vậy, buộc bị cáo Sơn phải bồi thường cho bà L số tiền 11.570.000đ.

Về xử lý vật chứng: Ngày 12/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 34 trả lại số tiền 990.000đ cho Lã Thị L, là chủ sở hữu hợp pháp.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại không có ý kiến gì tranh luận, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Vào khoảng 12 giờ ngày 09/02/2021, tại thôn 5, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, Lê Xuân S đã có hành vi trộm cắp số tiền 4.060.000đ và một số tài sản là trang sức (không tiến hành định giá được giá trị tài sản) của bà Lã Thị L. Tổng số tiền mà bị cáo Sơn đã chiếm đoạt là 4.060.000đ. Ngoài hành vi trộm cắp nêu trên bị

cáo có 02 tiền án: Theo bản án số: 74/2018/HSST ngày 19/10/2018 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xử phạt 09 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản đến ngày 14/6/2019 chấp hành xong hình phạt. Sau đó đến ngày 20/01/2020 bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết tăng nặng Tái phạm; ngày 01/11/2020, chấp hành xong hình phạt; hiện 02 tiền án nêu trên chưa được xoá án tích mà bị cáo lại tiếp tục phạm tội “trộm cắp tài sản”. Vì vậy, việc bị cáo S phạm tội lần này là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm b Khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với bị cáo Lê Xuân S, về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

...

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, điều khiển hành vi để biết được rằng, việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách bất hợp pháp là xâm phạm đến quyền sở hữu được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị trừng trị một cách nghiêm khắc. Nhưng với bản chất lười lao động, xem thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ sức lao động nên bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của gia đình bà Lã Thị L. một cách trái pháp luật. Bị cáo có 02 tiền án, 01 tiền sự về tội “Trộm cắp tài sản”. Đáng lẽ ra sau khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tù của hai bản án trở về địa phương sinh sống, sau khi tái hòa nhập cộng đồng bị cáo phải tu dưỡng bản thân để trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội, nhưng bị cáo vẫn tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Do đó HĐXX cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm đối với bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[3] Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã thật thà khai báo, về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, tại phiên Tòa bị hại bà Lã Thị L đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS, Do đó HĐXX cần áp dụng để trong quá trình lượng hình xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Đối với các tài sản có đặc điểm như lời khai của bà L, gồm: 01 đôi bông tai bằng vàng Sài Gòn, có kiểu dáng hình ngôi sao, ở giữa đính nhiều viên đá trắng;

01 lắc tay hình tròn bằng vàng Sài Gòn, đường kính 05cm, bề mặt rộng 0,5cm trên bề mặt có đính các hạt đá; 01 nhẫn cưới hình tròn bằng vàng Sài Gòn, trên mặt nhẫn có đính 01 viên đá trắng; 01 móng hổ bọc vàng Sài Gòn; quá trình điều tra không thu giữ được các vật chứng nên xác định tài sản này không còn nữa, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Ea Kar đã căn cứ vào tinh thần tại mục 4 phần II của Thông tư số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV "các tội xâm phạm sở hữu" của bộ luật hình sự năm 1999 để điều tra làm rõ, tuy nhiên không xác định được loại vàng, khối lượng, giá trị tại thời điểm bị xâm phạm là bao nhiêu; các tài sản này còn khoảng bao nhiêu phần trăm giá trị tại thời điểm xâm phạm Do đó, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ea Kar từ chối việc định giá đối với các tài sản trên nên không có căn cứ xử lý đối với Lê Xuân S về hành vi chiếm đoạt các tài sản này là phù hợp.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lã Thị L yêu cầu bị can Lê Xuân S phải bồi thường số tiền 11.570.000đ. Bị can S đồng ý với yêu cầu bồi thường về dân sự của bà L, việc này là tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại nên cần chấp nhận.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 BLHS, điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 34 trả lại số tiền 990.000đ cho Lã Thị L, là chủ sở hữu hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Xuân S** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Căn cứ điểm g Khoản 2 Điều 173 BLHS; điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Xuân S** 2 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/3/2021.

*** Các biện pháp tư pháp:**

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận việc tự nguyện thỏa thuận giữa bà Lã Thị L và bị cáo Lê Xuân S. Buộc bị cáo Lê Xuân S phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 11.570.000đ cho bà Lã Thị L.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 BLHS, điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 34 trả lại số tiền 990.000đ cho Lã Thị L là chủ sở hữu hợp pháp.

+ **Về án phí:** Căn cứ Khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Xuân S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 578.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (Có giá ngạch 11.570.000 x 5%)

*** Quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Ngọc